

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN CẦU  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v “ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Chu Y

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Hồng Vân;
- Ông Nguyễn Hồng Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 8, Ấp 8, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Trương Thanh D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp Thuận Hòa, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông D tự tìm hiểu nhau một thời gian rồi được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 6 năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Bà và ông D ly thân từ ngày 05/02/2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông D không có giải pháp hàn gắn gia đình. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh D.

- Về con chung: Bà và ông D có 02 (hai) con chung tên Trương Thị Kiều Ph, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1998 đã thành niên, tự lao động sinh sống được và Trương Hoàng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2013 hiện đang sống chung với ông D, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn ông Trương Thanh D* đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập đến tham gia phiên hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến và cũng không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L và việc giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trương Thanh D đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn với ông D. Về nuôi con: Do con chung tên Trương Thị Kiều Ph, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1998 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Tòa án không xem xét giải quyết, đề nghị giao con chung tên Trương Hoàng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2013 cho ông D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ

chung: Bà L và ông D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### [1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn ông Trương Thanh D có đăng ký thường trú tại ấp Thuận Hòa, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Trần Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trương Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông D theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### [2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà L và ông D trên cơ sở hôn nhân tự nguyện chung sống từ năm 1997, quá trình chung sống đã thực hiện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 5, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 6 năm 2000, nên hôn nhân của bà L và ông D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Qua trình bày của bà L và kết quả xác minh của Tòa án về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông D thể hiện: ông D và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã dẫn đến bà L bỏ nhà đi cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Có cơ sở nhận định hôn nhân giữa bà L và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông D.

[3] Về nuôi con: Bà L và ông D có 02 (hai) con chung. Đối với con chung tên Trương Thị Kiều Ph, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1998 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Đối với con chung tên Trương Hoàng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2013 sống chung với

ông D từ năm 2015 đến nay. Bà L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng tuy nhiên kết quả xác minh của Tòa án cho thấy từ ông D hiện nuôi dưỡng cháu H rất tốt, bản thân cháu H trình bày từ trước đến nay bà L không về thăm con đồng thời cháu H có nguyện vọng tiếp tục sống chung với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu H cho ông D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim L đối với ông Trương Thanh D.

Bà Trần Thị Kim L được ly hôn với ông Trương Thanh D.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung tên Trương Hoàng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2013 của bà Trần Thị Kim L.

Ghi nhận ông Trương Thanh D và bà Trần Thị Kim L bà có 02 (hai) con chung tên Trương Thị Kiều Ph, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1998 và Trương Hoàng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2013.

Trương Thị Kiều Ph đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao con chung tên Trương Hoàng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2013 cho ông Trương Thanh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trần Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim L và ông Trương Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022795 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Ông D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Như tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND Phường 5, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Chu Y**